TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-PT
Ngày 28 - 9 – 2020
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Vi Văn Chất

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLPT-HNGĐ ngày 05/8/2020 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/HNGĐ-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Gi, sinh năm 1987. Nơi cư trú: 194/182/14, đường Lê Chi Dân, tổ 29, khu 6, phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Gi : Anh Ngô Tấn L , sinh năm 1996. Nơi cư trú: 78A, đại lộ Bình Dương, khu phố 7, phường H, thành phố V, tỉnh Bình Dương. Đề nghị vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn H , sinh năm 1981. Nơi cư trú: Xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. Có chị Nguyễn Thị Tr , sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xóm Phượng Lịch 2, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An, người được anh H ủy quyền tại cấp sơ thẩm tham gia chứng kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vợ chồng anh Nguyễn Văn M , sinh năm 1974 và chị Vũ Thị H , sinh năm 1978. Chị H , anh M vắng mặt.

2. Vợ chồng anh Nguyễn Văn S , sinh năm 1978 và chị Vũ Thị H , sinh năm 1983. Chị H , anh S g vắng mặt.

3. Anh Võ Trọng H , sinh năm 1993. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện Y, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc Gi, người đại diện theo ủy quyền của chị Gi trình bày: Chị Gi và anh Võ Văn Htrước đây là vợ chồng. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 298/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Bình Dương giải quyết về quan hệ hông nhân và con chung; tài sản chung chưa giải quyết. Tài sản chung của hai người sau khi ly hôn gồm các loại tài sản: 01 thửa đất số 1689, tờ bản đồ số 13, diện tích 98m^2 (trong đó đất ở 80m^2, đất vườn 18m^2) tại xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện Y được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 762522, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01623, cấp ngày 22/01/2016 mang tên Võ Văn Hvà Nguyễn Thị Ngọc Gi; 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất. Tổng giá trị tài sản chung khoảng 1.550.000.000 đồng. Nay chị Gi yêu cầu chia đôi giá trị mỗi người là 775.000.000 đồng.

Về các khoản nợ: Chị Gi khẳng định vợ chồng không nợ bất kỳ ai. Còn việc anh Hcho rằng anh Hvà chị nợ chị Vũ Thị Hsố tiền 40.000.000 đồng + 18 chỉ vàng; chị Vũ Thị Hsố tiền 130.000.000 đồng là không đúng, nếu có nợ thì là nợ riêng của anh Hchứ chị Gi không biết.

Anh Võ Văn Hvà người đại diện theo ủy quyền của anh Htrình bày: Anh Hthừa nhận anh Hvà chị Gi có tài sản chung là thửa đất số 1689, tờ bản đồ số 13, diện tích 98m^2 (trong đó đất ở 80m^2, đất vườn 18m^2) tại xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện Y đúng như chị Gi đã trình bày. Trên thửa đất có một phần ốt quán của chị H , chị H , anh M , anh S và một mái tôn của anh H cải tạo xây dựng trên thửa đất. Nay chị Gi yêu cầu chia, anh Hnhất trí chia tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Về các khoản nợ: Vào năm 2011 trước khi ly hôn vợ chồng vay chị Vũ Thị Hsố tiền 90.000.000 đồng và chị Vũ Thị H90.000.000 đồng (là chị và em gái của anh H) để trả tiền mua vật liệu làm nhà và tiền công thợ. Năm 2014 vợ

chồng tiếp tục vay của chị H18 chỉ vàng, vay của chị Hsố tiền 70.000.000 đồng. Cả hai lần vay không tính lãi suất và do một mình anh Hđứng ra ký giấy vay tiền. Đã trả cho chị Hđược 50.000.000 đồng, trả cho chị H30.000.000 đồng. Nay anh Hyêu cầu Tòa án buộc chị Gi phải liên đới trả nợ cùng anh cho chị Vũ Thị Hsố tiền còn lại là 40.000.000 đồng + 18 chỉ vàng; trả cho chị Vũ Thị Hsố tiền còn lại là 130.000.000 đồng.

Chị Vũ Thị Htrình bày: Vào khoảng năm 2011 cậu H (em trai) có vay số tiền 90.000.000 đồng, khi vay cậu H nói vay để mua vật liệu làm nhà và trả tiền công thợ. Khi vay chỉ có một mình cậu H đứng ra viết giấy vay nợ. Năm 2014 cậu Hvà mự Gi đến vay số tiền 70.000.000 đồng để cho cậu Hđi xuất khẩu lao động, khi vay có cả hai vợ chồng nhưng chỉ có một mình cậu Hký giấy vay nợ còn mự Gi cầm tiền. Cả hai lần vay đều không tính lãi suất, đến nay đã trả được 30.000.000 đồng còn lại 130.000.000 đồng, đây là khoản tiền của chị Hkhông liên quan đến chồng. Nay đề nghị Tòa án buộc anh H, chị Gi phải có trách nhiệm trả nợ chung.

Đối với phần diện tích nhà 42,35m^2 xây dựng trên phần đất của cậu Hồng, mự Gi đề nghị buộc cậu Hồng, mự Gi trích 50.000.000 đồng để sửa chữa, xây dựng lại theo đúng hiện trạng diện tích đất, theo thỏa thuận.

Chị Vũ Thị Htrình bày: Vào năm 2011 cậu H(anh trai) có vay số tiền 90.000.000 đồng để mua vật liệu làm nhà và tiền công thợ. Năm 2014 cậu Hvà mự Gi vay 18 chỉ vàng để cho cậu Hđi xuất khẩu lao động, khi vay có cả hai vợ chồng. Tất cả các lần vay không tính lãi suất và do một mình cậu Hký vào giấy vay nợ. Đến nay đã trả được 50.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng và 18 chỉ vàng, đây là khoản tiền, vàng của chị Hkhông liên quan đến chồng. Nay đề nghị Tòa án buộc cả anh H, chị Gi phải có trách nhiệm trả nợ cho chị H .

Đối với phần diện tích nhà 42,35m^2 xây dựng trên phần đất của cậu H, mự Gi nhất trí như yêu cầu của bà H là buộc cậu H, mự Gi trích tiền sửa chữa, xây dựng lại theo đúng hiện trạng theo thỏa thuận.

Anh Võ Trọng H trình bày: Trên thửa đất có một phần mái tôn do anh H làm, nay anh Hchấp nhận tháo dỡ để trả đất cho anh H, chị Gi và không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DSST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân Y quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 39; 147; 235; 266; 269; 271; 273; 217; 218; 219; 158; 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 33; 59, 60, 62 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày

03/04/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Gi.

Giao cho anh Võ Văn Hđược quyền quản lý, sử dụng thửa đất số: 1689, tờ bản đồ số 13, diện tích 98m^2 tại xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An có tứ cận cụ thể: Phía Bắc giáp đường xóm có chiều dài 3,5m; Phía Nam giáp thửa đất số 1692 có chiều dài 3,5m; Phía Đông giáp thửa đất số 1690 có chiều dài 23,33m; Phía Tây giáp thửa đất số số 1688 có chiều dài 25,84m.

Anh Võ Văn Hcó quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu riêng đối với thửa đất trên theo quy định.

Anh Võ Văn Hcó nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Ngọc Gi là 360.450.000 (Ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Anh Võ Văn Hồng, chị Nguyễn Thị Ngọc Gi mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn S , chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn M số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu, năm trăm nhìn) đồng tiền sửa chữa, xây dựng lại ki ốt theo đúng hiện trạng. Chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn sang, chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ xây dựng lại bờ tường ki ốt theo đúng hiện trạng thửa đất.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung 01 nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất của chị Nguyễn Thị Ngọc Gi. Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Võ Văn Hvề việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc Gi trả nợ chung cho chị Vũ Thị Hsố tiền 40.000.000 đồng + 18 chỉ vàng (giá trị: 83.340.000 đồng), chị Vũ Thị Hsố tiền 130.000.000 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc anh Võ Văn Htrả nợ cho chị Vũ Thị Hsố tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và 18 chỉ vàng (giá trị: 83.340.000 đồng), trả cho chị Vũ Thị Hsố tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng.

Bản án còn quyết định các đương sự phải chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2020, anh Võ Văn Hkháng cáo với nội dung: Nhiều tình tiết chưa được Thẩm phán làm rõ. Lời khai của anh Hvà những người có quyền lợi liên quan trong vụ án chưa được xác minh. Việc tuyên án của Tòa án nhân dân Y, tỉnh Nghệ An xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H.

Ngày 28/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị với nội dung: Nguyên đơn có yêu cầu chia ngôi nhà cấp bốn, căn cứ kết quả thẩm định thực tế không có ngôi nhà mà chỉ có mái tôn của anh Hvà quán bán hàng của gia đình chị H . Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền nguyên đơn rút yêu cầu chia ngôi nhà cấp sơ thẩm đình chỉ và đương sự có quyền khởi kiện lại là không chính xác. Ngoài ra trong quá trình giải quyết các bên đương sự thống nhất thỏa thuận anh H, chị Gi thanh toán trị giá quán 50.000.000đ để anh S , chị Hvà anh M , chị Htháo dỡ quán trả lại nguyên trạng đất; mỗi người 12.500.000đ là không phù hợp với nhận định của bản án và buộc anh H, chị Gi phải chịu án phí là không đúng quy định.

Bị đơn anh Võ Văn Hcó yêu cầu các khoản nợ liên quan đến tài sản chung; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng có yêu cầu độc lập liên quan đến khoản nợ và họ đã nộp tạm ứng án phí, nhưng cấp sơ thẩm còn thông báo cho bị đơn nộp và quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh Hphải chịu hai lần án phí đối với một nội yêu cầu là không đúng quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định cụ thể số thửa, diện tích, loại đất, tứ cận, nhưng quyết định của bản án không đầy đủ, cụ thể. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn một số thiếu sót, như không tuyên quyền sở hữu tài sản cho người được giao là chưa phù hợp.

Những vi phạm nêu trên tại cấp phúc thẩm có thể khắc phục được, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và nội dung ủy quyền xác định, đơn kháng cáo của anh Võ Văn Hkhông hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nội dung kháng nghị và rút kinh nghiệm cho cấp sơ thẩm các thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của chị Gi, anh Hđã được thẩm tra và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Gi và anh Võ Văn Htrước đây là vợ chồng. Tại Quyết định số 298 ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân V, tỉnh Bình Dương đã; Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Gi và anh Hvề quan hệ hôn nhân và con chung; còn phần quan hệ tài sản chung chưa giải quyết.

Xét kháng cáo của anh Võ Văn H : Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Tr khẳng định; anh Võ Văn Hchỉ ủy quyền cho chị Tr bằng Giấy ủy quyền ngày 09/3/2020 (Bl,82), ngoài ra không có văn bản ủy quyền nào khác. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì; Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp và trong văn bản ủy quyền phải có nội dung anh Hủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Và căn cứ nội dung và phạm vi ủy quyền của anh Võ Văn H quyền cho chị Nguyễn Thị Tr không ủy quyền cho chị Tr tham gia tại cấp phúc thẩm. Mặt khác anh Hđã xuất cảnh ngày 13/3/2020 không có đơn đề nghị vắng mặt cũng không thông báo địa chỉ cho Tòa án và đơn kháng cáo của anh Hkhông hợp lệ, nên cần đình chỉ đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn Hnhư đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Căn cứ kết quả thẩm định ngày 02/01/2020 (Bl, 74) thì ngôi nhà cấp bốn không có trên đất. Tuy nhiên căn cứ yêu cầu của chị Gi nguyên đơn yêu cầu được chia trị giá ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân có giá trị 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết tranh chấp chị Gi, anh Hvà những người liên quan xác định tài sản trên đất là quán bán hàng của vợ chồng anh M , chị Hvà vợ chồng anh S , chị Htạo lập và các bên cùng nhau thỏa thuận người có tài sản tự tháo dỡ và anh H, chị Gi thanh toán trị giá tài sản là 50.000.000 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu chia trị giá ngôi nhà cấp bốn được bị đơn chấp nhận. Do đó cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu là có cơ sở. Còn việc có hay không có ngôi nhà cấp bốn là tài sản chung thì đương sự phải có nghĩa vụ chứng minh và yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác là phù hợp

Đối với nội dung kháng nghị về việc trích trị giá tài sản bị tháo dỡ và án phí đối với yêu cầu về khoản nợ thấy rằng: Căn cứ nội dung thỏa thuận ngày 15/01/2020 chị Gi, anh Hthống nhất mỗi người phải thanh toán trị giá tài sản cho những người có tài sản bị tháo dỡ là 25.000.000 đồng, số tiền giá trị tài sản được xác định là của 4 người; trong đó chị H , anh M , chị H , anh S là hai cặp vợ chồng, cấp sơ thẩm buộc chị Gi, anh Hphải thanh toán theo kỷ phần cho từng

người, mỗi người 12.500.000 đồng, nhưng không xác định cụ thể, khó khăn trong công tác thi hành án và các khoản tiền thanh toán trị giá tài sản nhưng cấp sơ thẩm, buộc anh H, chị Gi phải chịu án phí là không đúng quy định. Mặt khác, trong vụ án anh Hlà bị đơn có yêu cầu các khoản nợ chị , chị Hlà nợ chung của hai người; cấp sơ thẩm xác định các khoản nợ là nợ riêng và anh Hphải thanh toán khoản nợ cho chị H, chị H(Nợ riêng). Nhưng buộc anh Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không được chấp nhận và án phí về nghĩa vụ phải trả nợ là không đúng qui định. Do đó cần sữa bản án sơ thẩm theo hướng anh H, chị Gi không phải chịu đối khoản tiền thanh toán trị giá tài sản và anh Hchỉ phải chịu tiền án phí đối với khoản nợ phải thanh toán.

Ngoài ra kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Nghệ An nêu một số thiếu sót đối với phần quyết định của sơ thẩm cần bổ sung cho phù hợp, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên; đình chỉ nội dung kháng cáo của anh Hvà chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Án phí phúc thẩm: Anh Hphải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; điểm d khoản 1 Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng Dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng các Điều 33; 59, 60, 62 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/04/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Võ Văn H .

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Gi.

Giao cho anh Võ Văn Hđược quyền quản lý, sử dụng thửa đất số: 1689, tờ bản đồ số 13, diện tích 98m^2 (trong đó đất ở 80m^2, đất vườn 18m^2) tại xóm Gia Mỹ, xã Đ, huyện Y được UBND Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 762522 ngày 22/01/2016 mang tên ông Võ Văn Hvà bà Nguyễn Thị Ngọc Gi, trị giá 801.000.000 đồng*;* có tứ cận cụ thể: Phía Bắc giáp đường xóm có chiều dài

3,5m; Phía Nam giáp thửa đất số 1692 có chiều dài 3,5m; Phía Đông giáp thửa đất số 1690 có chiều dài 23,33m; Phía Tây giáp thửa đất số số 1688 có chiều dài 25,84m.

Anh Võ Văn Hcó quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu riêng đối với thửa đất trên theo quy định.

Anh Võ Văn Hcó nghĩa vụ thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Ngọc Gi là 360.450.000 (Ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Gi được sở hữu số tiền 360.450.000 (Ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng do anh Võ Văn Htrích chia.

Anh Võ Văn Hồng, chị Nguyễn Thị Ngọc Gi có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn S , chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn M , mỗi người 25.000.000. Cụ thể:

Anh Võ Văn Hphải thanh toán cho vợ chồng anh M , chị H12.500.000 đồng; thanh toán cho vợ chồng anh Sang, chị H12.500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Gi phải thanh toán cho vợ chồng anh Minh, chị H12.500.000 đồng; thanh toán cho vợ chồng anh Sang, chị H12.500.000 đồng.

Chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn Sang, chị Vũ Thị Hvà anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ xây dựng lại bờ tường ki ốt theo đúng hiện trạng thửa đất giao cho anh Võ Văn H .

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung 01 nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất của chị Nguyễn Thị Ngọc Gi. Trả lại tài liệu, chứng cứ kèm theo liên quan đến nội dung khởi kiện cho đương sự nếu có yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc anh Võ Văn Htrả nợ cho chị Vũ Thị Hsố tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và 18 chỉ vàng (giá trị 83.340.000 đồng); trả nợ cho chị Vũ Thị Hsố tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng.

5. Về án phí:

5.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc Gi phải chịu 18.022.500 (Mười tám triệu, không trăm, hai mươi hai nghìn, năm trăm) đồng án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 17.500.000 đồng chị Gi đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Y, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000189 ngày 11/12/2019 (Số tiền còn thiếu chị Gi phải nộp tiếp).

5.2. Anh Võ Văn Hphải chịu 21.982.000 (Hai mươi mốt triệu, chín trăm

tám mươi hainghìn đồng) án phí chia tài sản; 12.667.000 (Mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) án phí nghĩa vụ về tài sản. Tổng cộng 34.649.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng anh Hđã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000225 ngày 06/01/2020 (Số tiền còn thiếu anh Hphải nộp tiếp).

5.3. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Hsố tiền 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu số 0000249 ngày 16/01/2020.

5.4. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Hsố tiền 3.250.000 (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu số 0000248 ngày 16/01/2020.

6. Về án phí phúc thẩm: Anh Võ Văn Hphải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu số 0007449 ngày 21/7/2020.

7. Về chi phí: Anh Võ Văn Hphải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Gi 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn